

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
THỊ XÃ SÔNG CẦU
TỈNH PHÚ YÊN**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 20/2021/HNGĐ-ST
Ngày: 22/9/2021
V/v “Yêu cầu không công nhận
quan hệ vợ chồng”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN THỊ XÃ SÔNG CẦU**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Phạm Thị Ngọc Tiên

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Lê Văn Long
2. Ông Nguyễn Ngọc Chấn

- Thư ký phiên tòa: Bùi Thị Tuyết – Thư ký Tòa án nhân dân thị xã Sông Cầu, tỉnh Phú Yên.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thị xã Sông Cầu, tỉnh Phú Yên tham gia phiên tòa: Ông Phan Văn Thanh - Kiểm sát viên.

Ngày 22 tháng 9 năm 2021 tại trụ sở Tòa án nhân dân thị xã Sông Cầu, tỉnh Phú Yên xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 73/2021/TLST-HNGĐ ngày 27 tháng 4 năm 2021 về việc “Tranh chấp hôn nhân và gia đình”

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 19/2021/QĐXXST-HNGĐ ngày 07 tháng 9 năm 2021, giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Chị Huỳnh Thị Diễm T, sinh năm 1980; địa chỉ: Khu phố T, phường X, thị xã S, tỉnh Phú Yên. Có mặt.

- *Bị đơn:* Anh Nguyễn Thành Q, sinh năm 1975; địa chỉ: Khu phố T, phường X, thị xã S, tỉnh Phú Yên. Vắng mặt (Có yêu cầu xét xử vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện đề ngày 19/4/2021, quá trình tố tụng tại Tòa án, nguyên đơn chị Huỳnh Thị Diễm T (chị T) trình bày: Chị và anh Nguyễn Thành Q (anh Q) tự nguyện tìm hiểu và đi đến hôn nhân, có tổ chức đám cưới, hỏi theo phong tục truyền thống và sống chung với nhau vào năm 1998 đến nay nhưng không đăng ký kết hôn

theo quy định pháp luật. Trong quá trình sống chung, chị T và anh Q thường xuyên xảy ra mâu thuẫn. Nay chị nhận thấy không thể hàn gắn được tình cảm vợ chồng, chị yêu cầu tòa giải quyết không công nhận chị và anh Q là vợ chồng.

Về con chung: Có 02 con chung tên Nguyễn Thị Bích Nh – sinh ngày 25/10/1999, Nguyễn Hoàng D – sinh ngày 22/6/2009. Chị T yêu cầu được nuôi con Nguyễn Hoàng Duy, yêu cầu anh Q cấp dưỡng nuôi con mỗi tháng 2.000.000đ. Riêng cháu Nh đã thành niên, không khuyết tật, có khả năng lao động nên không yêu cầu giải quyết.

Về tài sản chung và nợ chung: Không yêu cầu Tòa giải quyết.

Quá trình tố tụng tại Tòa án, bị đơn anh Nguyễn Thành Q (anh Q) trình bày: Anh thống nhất lời trình bày của chị T, anh và chị T tự nguyện tìm hiểu và đi đến hôn nhân, có tổ chức đám cưới hỏi theo phong tục truyền thống, sống chung với nhau vào năm 1998 đến nay nhưng không đăng ký kết hôn theo quy định pháp luật. Sau đó, vợ chồng anh chị sống không hạnh phúc nên đã chia tay, sống ly thân gần hai năm. Nay anh cũng đồng ý với yêu cầu của chị T, yêu cầu tòa không công nhận quan hệ vợ chồng của anh và chị T.

Về con chung: Có 02 con chung tên Nguyễn Thị Bích Nh – sinh ngày 25/10/1999, Nguyễn Hoàng D – sinh ngày 22/6/2009. Tuy anh và chị T sống ly thân nhưng anh và chị T cùng 02 con vẫn sống chung nhà. Anh đồng ý yêu cầu của chị T, giao con Nguyễn Hoàng D cho chị T nuôi dưỡng, anh Q cấp dưỡng nuôi con mỗi tháng 2.000.000đ kể từ ngày 15/6/2021 cho đến khi phát sinh một trong các căn cứ chấm dứt nghĩa vụ cấp dưỡng theo quy định tại Điều 118 Luật Hôn nhân và gia đình. Riêng cháu Nh đã thành niên, không khuyết tật, có khả năng lao động nên không yêu cầu giải quyết.

Về tài sản chung và nợ chung: Không yêu cầu Tòa giải quyết.

Tại phiên tòa:

Nguyên đơn chị T vẫn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thị xã Sông Cầu phát biểu ý kiến: Trong quá trình thụ lý, giải quyết vụ án, Thẩm phán, thư ký và Hội đồng xét xử tuân theo đúng trình tự thủ tục pháp luật quy định. Các đương sự thực hiện đúng các quyền và nghĩa vụ của người tham gia tố tụng. Về nội dung: Đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ Điều 9; khoản 1 Điều 14; khoản 2 Điều 53 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014 tuyên xử chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn chị T, tuyên bố chị T và anh Q không phải là vợ chồng; giao con chung Nguyễn Hoàng D cho chị T nuôi dưỡng, anh Q cấp dưỡng nuôi con mỗi tháng 2.000.000đ kể từ ngày 15/6/2021 cho đến khi phát sinh một trong các căn cứ chấm dứt nghĩa vụ cấp dưỡng theo quy định tại Điều 118 Luật Hôn nhân và gia đình, riêng cháu Nguyễn Thị Bích Nh đã thành niên, không khuyết tật, có khả năng lao động nên không giải quyết; các đương sự không yêu cầu giải quyết tài sản chung và

nợ chung nên đề nghị HĐXX không xem xét. Các đương sự phải chịu án phí theo quy định pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] *Về tố tụng:* Xét yêu cầu của chị T yêu cầu không công nhận quan hệ vợ chồng thuộc tranh chấp về hôn nhân và gia đình; bị đơn anh Q có hộ khẩu thường trú tại Khu phố T, phường X, thị xã S, tỉnh Phú Yên nên thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân thị xã Sông Cầu theo quy định tại Điều 35, 39 Bộ luật Tố tụng Dân sự. Bị đơn có yêu cầu xét xử vắng mặt, căn cứ khoản 1 Điều 228, Điều 238 Bộ luật Tố tụng Dân sự, HĐXX xét xử vắng mặt bị đơn.

[2] *Về quan hệ hôn nhân:* Chị T và anh Q tự nguyện chung sống với nhau từ năm 1998 nhưng không đăng ký kết hôn theo quy định là vi phạm Điều 8 Luật Hôn nhân và gia đình năm 1986. Nay chị T yêu cầu Tòa án không công nhận quan hệ vợ chồng giữa chị và anh Q, căn cứ Điều 9, Điều 14, Điều 131 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014; Nghị quyết 35/2000/QH10 ngày 09/6/2000 của Quốc hội, Nghị quyết 02/2000/NQ-HĐTP ngày 23/12/2000 của Hội đồng thẩm phán Tòa án nhân dân Tối cao, Thông tư liên tịch số 01/2001/TTLT-TANDTC-VKSNDTC-BTP ngày 03/01/2001 của Tòa án nhân dân tối cao, Viện kiểm sát nhân dân tối cao, Bộ Tư pháp không công nhận chị T và anh Q là vợ chồng.

[3] *Về con chung:* Có 02 con chung tên Nguyễn Thị Bích Nh – sinh ngày 25/10/1999, Nguyễn Hoàng D – sinh ngày 22/6/2009. Ghi nhận sự thỏa thuận của chị T và anh Q, giao con Nguyễn Hoàng D cho chị T nuôi dưỡng, anh Q cấp dưỡng nuôi con mỗi tháng 2.000.000đ kể từ ngày 15/6/2021 cho đến khi phát sinh một trong các căn cứ chấm dứt nghĩa vụ cấp dưỡng theo quy định tại Điều 118 Luật Hôn nhân và gia đình. Riêng cháu Nguyễn Thị Bích Nh không thuộc trường hợp quy định tại khoản 1 Điều 81 Luật Hôn nhân gia đình nên không xem xét.

Anh Q có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở.

[4] *Về tài sản chung và nợ chung:* Không yêu cầu giải quyết nên Tòa không xem xét.

[5] *Về án phí:* Nguyên đơn chị T phải chịu án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm, anh Q phải chịu án phí cấp dưỡng nuôi con chung theo quy định pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ Điều 8 Luật Hôn nhân và gia đình năm 1986; Điều 9, Điều 14, Điều 53, Điều 131 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014; Nghị quyết 35/2000/QH10 ngày

09/6/2000 của Quốc hội, Nghị quyết 02/2000/NQ-HĐTP ngày 23/12/2000 của Hội đồng thẩm phán Tòa án nhân dân Tối cao, Thông tư liên tịch số 01/2001/TTLT-TANDTC-VKSNDTC-BTP ngày 03/01/2001 của Tòa án nhân dân tối cao, Viện kiểm sát nhân dân tối cao, Bộ Tư pháp; Điều 147, Điều 228 và Điều 238 Bộ luật Tố tụng Dân sự; Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về án phí, lệ phí Tòa án.

1. Về quan hệ hôn nhân: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, tuyên bố chị Huỳnh Thị Diễm T và anh Nguyễn Thành Q không phải vợ chồng.

2. Về con chung: Có 02 con chung tên Nguyễn Thị Bích Nh – sinh ngày 25/10/1999, Nguyễn Hoàng D – sinh ngày 22/6/2009. Giao con Nguyễn Hoàng D cho chị T nuôi dưỡng, anh Q cấp dưỡng nuôi con mỗi tháng 2.000.000đ kể từ ngày 15/6/2021 cho đến khi phát sinh một trong các căn cứ chấm dứt nghĩa vụ cấp dưỡng theo quy định tại Điều 118 Luật Hôn nhân và gia đình. Cháu Nguyễn Thị Bích Nh không thuộc trường hợp quy định tại khoản 1 Điều 81 Luật Hôn nhân gia đình nên không xem xét.

Anh Nguyễn Thành Q có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở.

3. Về tài sản chung và nợ chung: Không giải quyết.

4. Án phí:

Nguyên đơn chị Huỳnh Thị Diễm T phải chịu 300.000 đồng (*Ba trăm nghìn đồng*) án phí Hôn nhân gia đình sơ thẩm, được trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp 300.000 đồng tại Biên lai thu tiền số AA/2019/0005241 ngày 27 tháng 4 năm 2021 của Chi cục thi hành án Dân sự thị xã Sông Cầu, tỉnh Phú Yên.

Bị đơn anh Nguyễn Thành Q phải chịu 300.000 đồng (*Ba trăm nghìn đồng*) án phí cấp dưỡng nuôi con định kỳ.

Đương sự có mặt được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 (mười lăm) ngày kể từ ngày tuyên án sơ thẩm. Đương sự vắng mặt được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 (mười lăm) ngày, kể ngày nhận được bản án hoặc từ ngày Tòa án niêm yết bản án.

Nơi nhận:

- Đương sự (02);
- VKSND TX.Sông Cầu (02);
- TAND tỉnh Phú Yên (01);
- Chi cục THA TX.Sông Cầu (01);
- Án văn (01); lưu hs (02).

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TOÀ**

(đã ký)

Phạm Thị Ngọc Tiên